

Bản án số: 39/2018/HS-ST
Ngày 16/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SƠN LA, TỈNH SƠN LA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn Minh.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Thị Bưởi - Cán bộ hưu trí;

2. Bà Hoàng Thanh Thúy - Phó Chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ thành phố.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Anh Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sơn La.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Phạm Quốc Cảnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16/01/2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 36/2017/HSST ngày 28/11/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hồng S (tên gọi khác: không), sinh ngày: 24/12/1992 tại huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Tiểu khu C, thị trấn N, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Nguyễn Đức T và bà: Trương Thị T. Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 28/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu xử phạt 26 tháng tù (giam) về tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Chưa được xóa án tích; tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 18/8/2017 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Cháu Nguyễn Thị Tuyết N - Sinh năm 2003; Nơi đăng ký thường trú: Tiểu khu 18, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Tổ 03, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại: Chị Nguyễn Thị L - Sinh năm 1983; Nơi đăng ký thường trú: Tiểu khu 18, thị trấn H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La; chỗ ở hiện nay: Tổ 03, phường C, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La. Có ý kiến xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 6 năm 2016, Nguyễn Hồng S sinh ngày 24/12/1992 từ

huyện Mộc Châu lên thành phố Sơn La làm thuê cho gia đình chị Nguyễn Thị L tại tổ 3, phường C, thành phố Sơn La và được gia đình chị L bố trí chỗ ăn, nghỉ cho S tại xưởng làm nhôm kính của gia đình. Trong quá trình làm việc S quen biết và nảy sinh tình cảm với con gái chị L là cháu Nguyễn Thị Tuyết N, sinh ngày 21/7/2003 (*S biết N sinh năm 2003 và đang là học sinh lớp 9 trường THCS C, thành phố Sơn La*). Sau khi nảy sinh tình cảm, S và N đã 04 lần thực hiện quan hệ tình dục với nhau:

Khoảng tháng 12/2016 do bố mẹ N về quê, N đã xuống chỗ ngủ của S chơi. S và N cùng nằm trên giường nói chuyện, tâm sự, được một lúc thì cả S và N đều đồng ý quan hệ tình dục với nhau. Đến tháng 5/2017, do chị Nguyễn Thị L là mẹ của N biết mối quan hệ tình cảm của N và S nên S đã không làm thợ nhôm kính cho gia đình N nữa và về Mộc Châu. Tuy nhiên sau khi S nghỉ việc N và S vẫn thường xuyên gọi điện, nhắn tin điện thoại với nhau.

Khoảng tháng 6/2017 S lên thành phố Sơn La để làm lại bằng lái xe máy. Khi lên tới thành phố Sơn La, S vào thuê phòng nghỉ tại Nhà nghỉ H thuộc tổ 1, phường Q, thành phố Sơn La (S không nhớ phòng nào). Tại đây S gọi điện thoại cho N rủ N đến Nhà nghỉ chỗ S đang nghỉ để chơi, N đồng ý. Khi N đến Nhà nghỉ H gặp S, sau khi gặp nhau nói chuyện, S và N cùng quan hệ tình dục với nhau.

Khoảng đầu tháng 8/2017 S lên thành phố Sơn La để học nghề cắt tóc. S thuê phòng 505, Nhà nghỉ T thuộc tổ 1, phường Q, thành phố Sơn La để nghỉ. S và N cùng hẹn gặp nhau tại đây và cả hai đã cùng quan hệ tình dục với nhau.

Ngày 15/08/2017 S tiếp tục lên thành phố Sơn La để đi học nghề cắt tóc. Lên tới thành phố Sơn La, S dùng điện thoại nhắn tin cho N lên đón S ở ngã ba Nong Đức, phường Chiềng Sinh, N đồng ý và dùng xe đạp điện đến đón S. Sau đó N và S tới Nhà nghỉ H thuộc tổ 1, phường Q, thành phố Sơn La. S thuê phòng nghỉ, rồi N ra về. Đến khoảng 7 giờ ngày 16/08/2017, N đến phòng 103 Nhà nghỉ H để gặp S tại đây S và N tiếp tục quan hệ tình dục với nhau.

Vật chứng thu giữ bao gồm: 01 giấy chứng minh thư nhân dân số 051006350 mang tên Nguyễn Hồng S tạm giữ tại Nhà nghỉ T thuộc tổ 01, phường Q, thành phố Sơn La.

Ngày 18 tháng 8 năm 2017 Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an thành phố Sơn La đã ra Quyết định trưng cầu giám định về tổn thương bộ phận sinh dục của cháu Nguyễn Thị Tuyết N, cháu N có thai hay không và trưng cầu giám định về khả năng tình dục của Nguyễn Hồng S. Tại bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 37/TD ngày 21/8/2017 của Trung tâm pháp y, sở y tế tỉnh Sơn La, kết luận đối với Nguyễn Thị Tuyết N: Màng trinh rách cũ điểm 1^h-5^h-7^h-9^h và tại thời điểm giám định Nguyễn Thị Tuyết N không có thai. Tại bản kết luận giám định pháp y về khả năng sinh dục nam số 38/TD ngày 23/8/2017 của Trung tâm pháp y, sở y tế tỉnh Sơn La kết luận Nguyễn Hồng S có khả năng sinh lý, sinh dục nam bình thường.

Do có hành vi nêu trên, tại bản cáo trạng số: 151/KSĐT ngày 27/11/2017 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La đã truy tố Nguyễn Hồng S về tội: Giao cấu với trẻ em, quy định tại điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội: Giao cấu với trẻ em.

Áp dụng điểm a khoản 2 điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S từ 04 đến 05 năm tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Chấp nhận người bị hại Nguyễn Thị Tuyết N và người đại diện hợp pháp cho bị hại Nguyễn Thị L không yêu cầu bị cáo bồi thường.

Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Nguyễn Hồng S 01 chứng minh nhân dân số 051006350 mang tên Nguyễn Hồng S.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định chung.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội theo như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố; nhất trí với quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không có ý kiến tranh luận bào chữa gì thêm, chỉ mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại và người đại diện hợp pháp cho bị hại có ý kiến xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa: Không yêu cầu bị cáo phải bồi thường dân sự; mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Quá trình điều tra, truy tố, cơ quan điều tra và Viện kiểm sát đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự về hoạt động “Điều tra”, “Truy tố”, đồng thời đã giải thích và tạo điều kiện để bị cáo, bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại thực hiện đúng, đủ các quyền và nghĩa vụ của họ.

Bị hại; người đại diện hợp pháp của bị hại đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng có ý kiến xin xét xử vắng mặt. Căn cứ đề nghị của bị cáo; Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung:

2.1- Xem xét lời khai của bị cáo đối chiếu với nội dung bản cáo trạng và quan điểm luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, thấy rằng: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2016 đến ngày 16/8/2017, tại các địa điểm khác nhau, bị cáo Nguyễn Hồng S đã nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với cháu Nguyễn Thị Tuyết N, khi cháu N chưa đủ 16 tuổi.

Hành vi phạm tội của bị cáo được chứng minh bằng các căn cứ sau: Lời khai nhận tội của bị cáo; Đơn trình báo, lời khai của người bị hại Nguyễn Thị Tuyết N; Đơn trình báo, lời khai của người đại diện hợp pháp của bị hại chị Nguyễn Thị L; Biên bản xác định hiện trường; Biên bản thu mẫu giám định; Bản kết luận giám định pháp y về tình dục số 37/TD ngày 21/8/2017 của Trung tâm pháp y, sở y tế tỉnh Sơn La, kết luận đối với Nguyễn Thị Tuyết N: Màng trinh rách cũ điểm 1^h-5^h-7^h-9^h và tại thời điểm giám định Nguyễn Thị Tuyết N không

có thai; Bản kết luận giám định pháp y về khả năng sinh dục nam số 38/TD ngày 23/8/2017 của Trung tâm pháp y, sở y tế tỉnh Sơn La kết luận Nguyễn Hồng S có khả năng sinh lý, sinh dục nam bình thường.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại, kết quả điều tra và các tài liệu khác trong hồ sơ. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội: Giao cấu với trẻ em, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999.

2.2- Xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo, thấy rằng: Do có quan hệ yêu đương, vì không làm chủ được bản thân, nên trong khoảng thời gian từ tháng 12 năm 2016 đến ngày 16 tháng 8 năm 2017 Bị cáo Nguyễn Hồng S đã 04 lần thực hiện hành vi giao cấu với Nguyễn Thị Tuyết N, khi N chưa đủ 16 tuổi, tại các địa điểm khác nhau, vi phạm tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm a “phạm tội nhiều lần” khoản 2 Điều 115 Bộ luật Hình sự năm 1999, khung hình phạt có mức hình phạt tù từ ba năm đến mười năm và thuộc trường hợp rất nghiêm trọng.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tính chất, mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của người chưa thành niên, xâm phạm danh dự nhân phẩm và sức khỏe con người, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo là người đã thành niên, có đủ hiểu biết, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, nhưng để thỏa mãn nhu cầu của bản thân, bị cáo vẫn bất chấp pháp luật, nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi phạm tội đối với bị cáo.

2.3- Đánh giá các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo:

* Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; gia đình bị cáo, người bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt cho bị cáo. Do vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

* Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo có 1 tiền án chưa được xóa án tích: Ngày 28/4/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La xử phạt 26 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, chưa được xóa án tích nên cần áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Quan điểm của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng đối với bị cáo phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

2.4- Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại Nguyễn Thị Tuyết N và đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu bị cáo bồi thường, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

2.5- Về xử lý vật chứng: Đối với 01 chứng minh nhân dân số 051006350 mang tên Nguyễn Hồng S, xét thấy đây là giấy tờ hợp pháp của bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại cho bị cáo.

2.6- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1- Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hồng S phạm tội: “Giao cấu với trẻ em”.

2- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hồng S 04 (bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 18/8/2017).

3- Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận người bị hại Nguyễn Thị Tuyết N và gia đình không yêu cầu bị cáo bồi thường.

4- Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015: Trả lại cho bị cáo 01 chứng minh nhân dân số 051006350 do Công an Sơn La cấp mang tên Nguyễn Hồng S.

5- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn Hồng S phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm .

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm;

Người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND thành phố Sơn La (2);
- Công an thành phố Sơn La;
- THAHS;
- Chi cục THADS thành phố Sơn La;
- Bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người bị hại;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Phạm Tuấn Minh